TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 -5- 2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị
2. Ông Bùi Mạnh Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kiêm T, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp 1, xã T , huyện H , tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp 5, xã N, huyện T , tỉnh Long An.

(Nguyên đơn vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/02/2022 và bản tự khai nguyên đơn Bà Võ Thị Kiêm T trình bày: Do quen biết tự tìm hiểu nên bà T ông P tiến đến hôn nhân có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T huyện Hệ tỉnh Long An vào ngày 23/02/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu ly hôn ông P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thiên L sinh ngày 22/11/2017. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn P vắng mặt đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu cụ thể nào.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải để đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn được triệu tập hợp lệ tới lần thứ hai mà không tham gia nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được bà T yêu cầu ly hôn là phù hợp. Về con chung giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông P phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa Bà Võ Thị Kiêm T và ông Nguyễn Văn P có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay Bà Võ Thị Kiêm T yêu cầu ly hôn, ông P đang cư trú tại ấp 5, xã T, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không rõ lý do; bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T ông P theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Kiêm T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian chung sống giữa bà T và ông P đã xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, khác biệt về lối sống, ông P không tôn trọng gia đình bà T và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà T đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông P không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu bà T cung cấp gồm đơn khởi kiện có thể hiện rõ lời trình bày của bà T về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, ông P không có ý kiến hay phản đối. Do đó nhận thấy trong thời gian chung sống giữa bà T và ông P đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai bên không tìm cách để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi hậu quả bà T và ông P không còn sống chung hơn một năm nay. Tòa án tiến hành hòa giải cho bà T và ông P trở về đoàn tụ đồng thời cho thêm thời gian để ông bà khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, song ông P không tham gia hòa giải. Tại phiên tòa ông P cũng vắng mặt cho thấy ông không còn thiết tha với mối quan hệ hôn nhân này. Bà T vắng mặt vẫn cương quyết ly hôn và xác định vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà T và ông P không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thiên L, sinh ngày 22/11/2017. Hiện nay cháu Long còn nhỏ đang do bà T chăm sóc nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông P không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật nên được chấp nhận. Buộc ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000đ cho tới khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 05/2022.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông P được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi cần thiết bà T và ông P có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Bà T xác định không có, ông P không trình bày nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 80, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Kiêm T đối với ông Nguyễn Văn P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kiêm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thiên L, sinh ngày 22/11/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000đ cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2022.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông P được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí: Bà Võ Thị Kiêm T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002296 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Bà T không P nộp thêm. Ông Nguyễn Văn P chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết Bản án.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Nhị - Bùi Mạnh Quyết **Trần Thị Hương**